TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TR□ NG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **360** /2017/QĐST - HNGĐ	*Quận Hai Bà Tr- ng, ngày 07 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đ- ơng sự

Căn cứ hồ sơ hôn nhân và gia đình thụ lý số: 764/2016/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị **A**; Sinh năm 19XXX; Hộ khẩu thường trú: phường Y, quận H, Hà Nội; Địa chỉ tạm trú: phường Y, quận H, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư: C- Công ty Luật N.

Bị đơn: Anh **B**; Sinh năm 19XX; Hộ khẩu thường trú và hiện cư trú: quận H, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư: D- Công ty Luật Z.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **E**; Sinh năm 19XX; Địa chỉ: quận X, Hà Nội.

2. Công ty F; Trụ sở: phường Y, quận H, Hà Nội (Có yêu cầu xin vắng mặt)

3. Ngân hàng P; Trụ sở:, phường Y, quận H, Hà Nội; Đại diện theo ủy quyền: Ông G (Theo giấy ủy quyền ngày 22/03/2017)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24; khoản 11 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án; Tiểu mục 1, mục 1 I Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban th- ờng vụ Quốc Hội số 10/2009/PL UBTVQH 12 ngày 27/02/2009.

Áp dụng: Khoản 2 điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ- HĐTP ngày 13.6.2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao h- ớng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **A** và anh **B.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ **<u>Về quan hệ hôn nhân</u>**: Chị A và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Y, quận H, Hà Nội ngày xxxxx, cả hai đều kết hôn lần đầu.

Cả hai anh chị xác nhận: Quá trình chung sống, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống sâu sắc, thường xuyên mâu thuẫn và ngày càng nặng nề. Vợ chồng sống ly thân, ở riêng nhà từ năm 2016 đến nay. Anh chị xác nhận hôn nhân không thể cứu vãn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, cùng có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.2/ **<u>Về con chung</u>**: Chị A và anh B xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3/ **<u>Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung</u>**: Chị A và anh B và các bên đương sự xác nhận có tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung như sau:

- Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số P090712B/Time City/HĐMBCH ký ngày 09/12/2015 giữa F và chị A đối với căn hộ số P090712B (“ Căn hộ”) địa chỉ tại phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Trong đó: Diện tích sử dụng là 92,90m^2, diện tích sàn xây dựng là 99,70m^2. Tổng giá trị Hợp đồng mua bán: 4,073,775,242 VNĐ. Số tiền chị A đã thanh toán cho Công ty F là 3,891,342,486 VNĐ (Trong đó: tiền tự có của chị A nộp là 1,017,807,886 VNĐ; tiền vay Ngân

hàng P là 2,873,534,600 VNĐ). Số tiền chị A còn phải nộp cho Công ty F là 182,432,756 VNĐ.

- Chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu trắng, biển số đăng ký 29A-957.94, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 146586 ngày 12/9/2013 đứng tên chị A trị giá 350,000,000 VNĐ.

Nay các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Chị A đ- ợc tiếp tục hưởng toàn bộ quyền và nghĩa phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số P090712B/Time City/HĐMBCH ngày 09/12/2015 giữa Công ty F và chị A; Chị A tiếp tục thực hiện toàn bộ quyền và nghĩa phát sinh (quyền vay và trả nợ) của Hợp đồng tín dụng số TTC/2016/0213/HDTD ký ngày 28/01/2016 giữa Ngân hàng F với chị A và anh B; Chị A được toàn quyền sở hữu chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu trắng, biển số đăng ký 29A-957.94.

- Chị A có trách nhiệm thanh toán cho bà E số tiền 684,000,000 VNĐ (*Sáu trăm tám m- ơi t- triệu đồng*), cụ thể: Ngày 05/07/ 2017, chị A đã thanh toán cho bà E số tiền 500,000,000 VNĐ (*Năm trăm triệu đồng*); Số tiền còn lại là 184,000,000 VNĐ (*Một trăm tám mươi tư triệu đồng*), chị A có trách nhiệm thanh toán cho bà E trong vòng 10 tháng kể từ ngày 07/07/2017, số tiền thanh toán mỗi tháng bằng hoặc không ít hơn 18,400,000 VNĐ cho đến khi thanh toán xong số tiền 184,000,000 VNĐ.

- Tổng trị giá tài sản chị A được hưởng (sau khi thanh toán cho bà E) là 683,807,886 VNĐ. Anh B không còn bất kỳ quyền lợi và nghĩa vụ đối với với tài sản chung vợ chồng nêu trên.

2.5/ **Về án phí**: Chị A phải chịu 100,000 VNĐ án phí ly hôn và phải chịu 15,660,000 VNĐ án phí dân sự sơ thẩm. Chị A đã nộp 200,000 VNĐ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2776 ngày 13/6/2017 và 21,900,000 VNĐ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2362 ngày 16/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng. Chị A được hoàn lại 8,140, 000 VNĐ tiền tạm ứng án phí. Anh B phải chịu 100,000 VNĐ án phí ly hôn; Anh B đã nộp 21,900,000 VNĐ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2358 ngày 16/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng; Anh B được hoàn lại 21,800,000 VNĐ. Bà E phải chịu 15,680,000 VNĐ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKS nhân dân quận Hai Bà Tr- ng;
-UBND ph- ờng Y;
- L- u VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thu Hồng